Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0308.22.00

Mã HS	0308.22.00
Mô tả hàng hóa	Động vật thủy sinh không xương sống trừ động vật giáp xác và động vật thân mềm, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật thủy sinh không xương sống hun khói trừ động vật giáp xác và động vật thân mềm, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói / - Cầu gai (Strongylocentrotus spp., Paracentrotus lividus, Loxechinus albus, Echinus esculentus): / - - Đông lạnh
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 13:53:43
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03082200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K764
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N764
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q764
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ764
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VCFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AANZFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E763
ATIGA	2022	2022	0	AT!E764
ATIGA	2023	2023	0	AT!F764
ATIGA	2024	2024	0	AT!G764
ATIGA	2025	2025	0	AT!H764
ATIGA	2026	2026	0	AT!I764
ATIGA	2027	2027	0	AT!J764
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E766
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F766
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G766
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H766

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I766
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J766
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E768
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F768
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G768
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H768
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I768
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J768
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F770
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AANZ!H765
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F766
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G766
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H766
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I766
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J766
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K766
VKFTA	2022	2022	0	VK!E764
VKFTA	2023	2023	0	VK!F764
VKFTA	2024	2024	0	VK!G764
VKFTA	2025	2025	0	VK!H764
VKFTA	2026	2026	0	VK!I764
VKFTA	2027	2027	0	VK!J764
VCFTA	2022	2022	11	VC!D775
VCFTA	2023	2023	9	VC!E775
VCFTA	2024	2024	6	VC!F775
VCFTA	2025	2025	4	VC!G775

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	2	VC!H775
VCFTA	2027	2027	0	VC!I775
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D772
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E772
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F772
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G772
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H772
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I772
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D781
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E781
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F781
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G781
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H781
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I781
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D765
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E765
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F765
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G765
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H765
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I765
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D767
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E767
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F767
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G767
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H767
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I767

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D765
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E765
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F765
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G765
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H765
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I765
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J765
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D768
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E768
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F768
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G768
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H768
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I768
RCEP B	2022	2022	0	B!D768
RCEP B	2023	2023	0	B!E768
RCEP B	2024	2024	0	B!F768
RCEP B	2025	2025	0	B!G768
RCEP B	2026	2026	0	B!H768
RCEP B	2027	2027	0	B!I768
RCEP C	2022	2022	0	C!D768
RCEP C	2023	2023	0	C!E768
RCEP C	2024	2024	0	C!F768
RCEP C	2025	2025	0	C!G768
RCEP C	2026	2026	0	C!H768
RCEP C	2027	2027	0	C!I768
RCEP D	2022	2022	0	D!D768

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E768
RCEP D	2024	2024	0	D!F768
RCEP D	2025	2025	0	D!G768
RCEP D	2026	2026	0	D!H768
RCEP D	2027	2027	0	D!I768
RCEP E	2022	2022	0	E!D768
RCEP E	2023	2023	0	E!E768
RCEP E	2024	2024	0	E!F768
RCEP E	2025	2025	0	E!G768
RCEP E	2026	2026	0	E!H768
RCEP E	2027	2027	0	E!I768
RCEP F	2022	2022	0	F!D768
RCEP F	2023	2023	0	F!E768
RCEP F	2024	2024	0	F!F768
RCEP F	2025	2025	0	F!G768
RCEP F	2026	2026	0	F!H768
RCEP F	2027	2027	0	F!I768
VIFTA	2024	2024	0	VI!F753
VIFTA	2025	2025	0	VI!G753
VIFTA	2026	2026	0	VI!H753
VIFTA	2027	2027	0	VI!I753

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	VCFTA 2%, AANZFTA 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (0%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 0%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0308.22.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 0308.22.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N764), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.